

ẢNH HƯỞNG CỦA TOÀN CẦU HÓA ĐẾN HỆ THỐNG TÀI KHOẢN QUỐC GIA

*TS. Nguyễn Trọng Hậu**

Từ nhiều năm nay việc nghiên cứu soạn thảo các phương pháp cho phép phản ánh một cách chính xác hơn, đầy đủ hơn trong hệ thống tài khoản quốc gia những tác động của toàn cầu hóa đang diễn ra trong nền kinh tế thế giới là đối tượng quan tâm của các nhà thống kê ở nhiều nước cũng như của các tổ chức quốc tế như Liên hợp quốc, Liên minh châu Âu (EU) và OECD.

Toàn cầu hóa làm sâu sắc thêm những tác động lẫn nhau của các nền kinh tế ở các quốc gia khác nhau dẫn đến những thay đổi chính trị và sự phát triển đột biến của công nghệ thông tin và truyền thông trong giai đoạn mới đã tăng cường sự tác động, ảnh hưởng đến các thị trường tài chính, sự mở rộng hoạt động của các công ty đa quốc gia, ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế trong từng quốc gia, đến lao động, giá cả, chu chuyển vốn, các hoạt động nghiên cứu phát triển, thanh toán tài chính, vv...

Các nhà thống kê thế giới đã nhận thức được rằng các phương pháp thống kê hiện đang sử dụng đã không cho phép đưa ra những câu trả lời thỏa đáng cho người dùng tin về những vấn đề có liên quan đến phương pháp đo lường những tiến bộ của toàn cầu hóa, các phương pháp đánh giá hành vi của các công

ty đa quốc gia, hậu quả những phân bố hoạt động của các công ty này đến từng quốc gia, sự minh bạch trong tuân thủ pháp luật về thuế ở các nước, ảnh hưởng của các công ty này đến sự phát triển kinh tế xã hội và các tác động của chúng đến môi trường tự nhiên.

Dưới góc độ nghiên cứu thống kê, toàn cầu hóa đặt ra các thách thức mà chúng ta có thể chia thành 4 nhóm vấn đề lớn:

Một là, việc đo lường bản thân hiện tượng toàn cầu hóa. Chúng ta có thể đo lường toàn cầu hóa (hay sự phát triển hơn nữa của toàn cầu hóa) như thế nào? Các chỉ tiêu nào sẽ phản ánh được đầy đủ sự tác động lẫn nhau đang ngày càng tăng giữa các nền kinh tế.

Hai là, mô tả hành vi của các công ty đa quốc gia (MNE), mà chúng đang là lực lượng thúc đẩy chủ lực của toàn cầu hóa. Các MNE này hoạt động như thế nào và tại sao như vậy? Cái gì là lý do đằng sau sự phân chia các hoạt động và tiếp theo là sự phân bố các hoạt động này đối với từng quốc gia? Cái gì là lợi thế so sánh của các nền kinh tế?

Ba là, ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến các chỉ tiêu truyền thống. Toàn cầu hóa có ảnh hưởng to lớn đến tất cả mọi mặt của sự phát triển của đời sống xã

* Đại học Almamater, Ba Lan

hội, từ kinh tế, đến xã hội và môi trường. Nhu cầu về thông tin chi tiết hơn để hỗ trợ cho sự phân tích sâu sắc là đặc biệt quan trọng, nhất là trong các lĩnh vực có sự tác động lớn nhất.

Và cuối cùng là, ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến việc soạn thảo các chỉ tiêu truyền thống. Sự gia tăng tỷ trọng của các công ty hoạt động trên phạm vi quốc tế và sự gia tăng của những dòng chuyển dịch xuyên quốc gia về lao động, vốn, hàng hóa và dịch vụ đặt ra các vấn đề đặc thù riêng cho các nhà thống kê quốc gia.

Nhận thức được mức độ phức tạp của những thách thức đặt ra đối với công tác thống kê nảy sinh từ sự phát triển của toàn cầu hóa, vào năm 2007 Hội nghị các nhà thống kê châu Âu hoạt động trong khuôn khổ của Hội đồng kinh tế châu Âu của Liên hợp quốc đã quyết định phối hợp với OECD và Eurostat thành lập một nhóm các chuyên gia nghiên cứu vấn đề xác định ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến hệ thống tài khoản quốc gia (Group of Experts on impact of Globalisation on National Accounts, gọi tắt là GGNA).

Nhiệm vụ chính của Nhóm là tiến hành nghiên cứu, đánh giá xem toàn cầu hóa ảnh hưởng như thế nào đến việc soạn thảo thống kê kinh tế, cụ thể là đến hệ thống tài khoản quốc gia và liệu các hiện tượng gắn liền với toàn cầu hóa có làm sai lệch hệ thống tài khoản quốc gia và các lĩnh vực thống kê khác như thế nào. Nhóm nghiên cứu cũng cần đề xuất các giải pháp và các phương pháp để làm thế nào loại bỏ các sai lệch như vậy, nhằm nâng cao chất lượng các tài khoản quốc gia.

Trong thành phần của GGNA, ngoài các chuyên gia của các cơ quan thống kê quốc tế như UN, Eurostat, OECD, WTO, IMF cũng còn rất đông (gần 100 người) là các chuyên gia của nhiều nước như Mỹ,

Canada, châu Âu, Israel, Hongkong, Mexico. Trong số họ bên cạnh các nhà thống kê còn có các chuyên gia của Ngân hàng TƯ các nước, cán bộ khoa học của các Viện nghiên cứu, các trường Đại học.

Kết quả nghiên cứu của Nhóm cho ra đời công trình với nhan đề *Hướng dẫn về ảnh hưởng của Toàn cầu hóa đến hệ thống Tài khoản quốc gia* gồm các nội dung chính sau đây:

Công trình gồm 14 chương và các phụ lục đề cập đến ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính đến nền kinh tế quốc gia.

Chương 1, đề cập đến các vấn đề lý luận, phương pháp luận, như khái niệm, định nghĩa toàn cầu hóa, nghiên cứu xem quá trình này ảnh hưởng như thế nào đến nội dung và phương pháp xây dựng các tài khoản quốc gia, đồng thời đưa ra các kết luận cơ bản từ những nghiên cứu đã tiến hành.

Chương 2, trình bày những ảnh hưởng của các hoạt động của các công ty đa quốc gia đến nền kinh tế các nước cùng với các phương pháp ghi chép và hạch toán giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của các công ty này tại các nước. Báo cáo cũng đề cập chi tiết đến vấn đề đo lường các phạm trù kinh tế trong các công ty đa quốc gia và các lỗ hổng đang tồn tại trong các hệ thống thống kê, đồng thời đề xuất các kiến nghị cần tiếp tục nghiên cứu.

Chương 3, nói về các hoạt động của các công ty đa quốc gia, đầu tư trực tiếp nước ngoài và các dòng vốn dịch chuyển cùng với nó. Chương này cũng đề cập đến các vấn đề đo lường thu nhập, phương pháp ghi chép và hạch toán, cải thiện chất lượng số liệu liên quan đến đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng như các đề xuất nghiên cứu trong lĩnh vực này.

Chương 4, trình bày các đặc trưng đầy đủ của khái niệm Đơn vị hay Thực thể đặc biệt (SPE) của các

công ty đa quốc gia mà cho đến hiện nay các khái niệm này còn chưa có một định nghĩa thống nhất trong Hệ thống tài khoản quốc gia SNA. Thông thường các Thực thể này là một bộ phận của các công ty đa quốc gia phân bố tại nhiều nước chủ yếu do các nguyên nhân về thuế và hạn chế rủi ro tài chính. Các thực thể này là sở hữu của một hay nhiều công ty đa quốc gia. Một phần đáng kể các giao dịch và thu nhập của chúng được thực hiện ở nước ngoài. Tỷ trọng của chúng trong GDP thường không lớn, nhưng thu nhập và các nguồn tài chính rất lớn, đôi khi vượt quá nhiều lần giá trị GDP của quốc gia. Tuy nhiên hiện nay đề tài này đang bị bỏ qua trong phương pháp luận xây dựng hệ thống tài khoản quốc gia, dẫn đến việc che giấu hình ảnh trung thực của các tài khoản này.

Chương 5, đề cập đến phương pháp hạch toán và thể hiện trong các tài khoản quốc gia những giao dịch gắn liền với việc đưa hàng hóa ra nước ngoài chế biến. Quy mô những giao dịch này đang gia tăng mạnh mẽ theo đà phát triển của toàn cầu hóa nhờ sự phát triển của vận tải, thông tin liên lạc, sự tự do hóa các quy định về lưu chuyển hàng hóa và vốn, cũng như sự gia tăng khả năng tận dụng giá rẻ từ những doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ cần thiết đó. Chương này cũng đề cập đến sự khác biệt đáng kể đang tồn tại trong phương pháp ghi nhận các giao dịch chế tác gia công ở nước ngoài tại các quốc gia khác nhau, điều này là do sự rất khác nhau về các hình thức và phạm vi gia công ở nước ngoài, cũng như các tình huống chẳng hạn như hàng hóa được gửi gia công không quay lại công ty đặt hàng nữa mà được bán luôn tại nước thực hiện việc gia công này. Sự khác nhau về việc ghi chép hạch toán các giao dịch kiểu này tại các nước khác nhau là do những cách hiểu khác nhau về những nguyên tắc của SNA 1993 và SNA 2008. Việc thực

hiện nhất quán SNA 2008 đòi hỏi phải cải thiện tình trạng này.

Chương 6, trình bày các nguyên tắc giao dịch thương mại, phù hợp với định nghĩa nêu trong Hướng dẫn các bảng cân đối thanh toán, được dựa trên việc mua hàng hóa của người cư trú của chủ thể trong nước từ người không cư trú và tiếp theo lại bán các hàng hóa đó cho người không cư trú khác mà không có sự dịch chuyển vật chất của đối tượng trao đổi ra khỏi nước thực hiện giao dịch. Giá trị các giao dịch này được tính như là giá trị các hàng hóa được bán trừ đi chi phí mua hàng. Lợi nhuận thu được bằng cách này được xem như là giá trị xuất khẩu dịch vụ, mặc dù nó không được thể hiện trong thống kê ngoại thương bởi vì hàng hóa không ra khỏi biên giới. Hơn nữa giá trị các giao dịch này trong thời gian gần đây tăng rất nhanh. Chẳng hạn trong các năm 2004-2008 tăng hơn 130%. Từ góc độ đó các tác giả xác định sự cần thiết phải sắp xếp và thống nhất các nguyên tắc thể hiện các giao dịch này trong hạch toán và thống kê.

Chương 7, giới thiệu phương pháp hạch toán và thống kê các giao dịch quốc tế trong lĩnh vực các sản phẩm sở hữu trí tuệ. Phù hợp với các nguyên tắc của SNA 2008 được tính vào phạm trù nguồn tài nguyên gồm có: nghiên cứu và phát triển, tìm kiếm thăm dò nguồn tài nguyên và đánh giá chúng, lập trình máy tính và cơ sở dữ liệu, các hoạt động văn học nghệ thuật và các loại sản phẩm còn lại của sở hữu trí tuệ.

Trong SNA 2008 các sản phẩm sở hữu trí tuệ được xem như là các yếu tố tài sản được sản xuất. Trên góc độ này việc trao đổi thương mại các sản phẩm sở hữu trí tuệ cùng các dịch vụ thực hiện cần được ghi chép trong các hạch toán sản phẩm và dịch vụ.

Ngoài việc tìm kiếm thăm dò nguồn tài nguyên, thì việc buôn bán các sản phẩm còn lại của sở hữu trí tuệ rất phổ biến. Đối tượng buôn bán thường là các bản sao (copy) các sản phẩm dưới dạng các gói lập trình, các bản ghi âm nhạc hoặc phim ảnh. Cũng đang gia tăng việc buôn bán các tác phẩm nguyên gốc của các công trình nghiên cứu và phát triển được thể hiện lần đầu tiên trong SNA như là các khoản chi phí đầu tư.

Sự khác biệt cơ bản trong trao đổi thương mại các sản phẩm sở hữu trí tuệ so với việc trao đổi thương mại các sản phẩm thông thường khác là ở chỗ: về nguyên tắc chúng không có sự chuyển dịch vật chất từ nước sản xuất sang nước nhập khẩu mà thường được chuyển điện tử dưới hình thức copy các sản phẩm và ủy thác sử dụng. Điều này đặt ra vấn đề thể hiện nó trong thống kê, bởi vì chúng không được xem như trao đổi thương mại hàng hóa và dịch vụ mà là như các chi phí bản quyền, chi phí nhượng quyền, vv... mà thiếu sự diễn giải kỹ lưỡng có thể dẫn đến việc giải thích mù mờ ở các nước khác nhau. Trong trường hợp khi mà trong trao đổi thương mại có sự tham gia của các công ty đa quốc gia thì tồn tại cả rủi ro về việc cố tình làm sai lệch về giá cả để lợi dụng các ưu đãi có lợi nhất về thuế.

Chương 8, trình bày phương pháp đăng ký, ghi chép và sử dụng trong thống kê các thông tin về các hoạt động được gọi là chế tạo toàn cầu. Hình thức hoạt động kinh tế này cụ thể thường được thực hiện bởi các công ty đa quốc gia và bao gồm một đồng bộ các hoạt động đa dạng. Một trong những ví dụ của hoạt động kiểu như vậy là thực hiện dự án theo hình thức “chìa khóa trao tay”, trong đó doanh nghiệp thực hiện tiến hành điều phối việc thiết kế, lập kế hoạch, quản lý, nhiều doanh nghiệp từ các quốc gia khác

nhau cung cấp hàng hóa, vật liệu, trang thiết bị, còn việc xây dựng, lắp đặt, vận hành thì được thực hiện tại quốc gia có dự án.

Chương 9, đề cập đến các vấn đề liên quan đến việc sử dụng các số liệu thương mại trong điều kiện toàn cầu hóa.

Thống kê ngoại thương nghiên cứu dòng chu chuyển hàng hóa giữa biên giới các nước, có sử dụng các số liệu hành chính, trên cơ sở đó xác định sự thay đổi quyền sở hữu hàng hóa trong các giao dịch mua bán.

Toàn cầu hóa và gắn liền với nó là sự gia tăng trao đổi thương mại đã gây nên sự thay đổi sở hữu hàng hóa mà không thể chỉ nhận dạng căn cứ vào sự dịch chuyển hàng hóa giữa biên giới các nước, dẫn đến sự phân bố sai lệch giá trị gia tăng theo các nước, và điều này lại dẫn đến sự khác sai giữa số liệu các nước do hậu quả của cái gọi là quá cảnh giả (quasi transit). Cùng với sự gia tăng của thương mại quốc tế thì tỷ lệ quá cảnh giả cũng tăng lên, nhất là với các nước có chung biên giới.

Chương 10, trình bày về vấn đề hạch toán, thống kê trong các tài khoản quốc gia của dòng chu chuyển quốc tế về lao động. Quy mô hiện tượng này đang tăng lên mạnh mẽ do hội nhập quốc tế, sự thuận lợi của giao thông liên lạc và sự phổ biến của các giao dịch quốc tế. Điều đó làm nảy sinh vấn đề liên quan đến việc đăng ký, ghi chép số lao động làm việc ở nước ngoài nhưng đồng thời vẫn đăng ký trong nước. Những khó khăn cũng gắn liền với những khác biệt về phương pháp ghi nhận tiền công lao động tùy thuộc vào các trị giá việc làm khác nhau ở nước ngoài (lao động có hợp đồng, lao động tự do, lao động thực hiện hợp đồng chìa khóa trao tay, lao động không đăng ký,...).

Các tác giả cũng chú ý đến sự cần thiết của việc sử dụng các nguồn dữ liệu hành chính khác nhau nhằm mục đích tận dụng một cách tối đa các số liệu chính xác về lưu chuyển lao động và ước lượng sự phân bố theo lãnh thổ về tiền lương tiền công lao động, năng xuất lao động, thu nhập và các chuyển khoản tài chính.

Chương 11, đề cập đến vấn đề kiều hối, tức là việc chuyển thu nhập của các hộ gia đình ở nước ngoài, chủ yếu có nguồn gốc từ lao động của nhân công làm việc ở các nước. Theo đánh giá của IMF, tổng giá trị các khoản thu nhập này là 144 tỷ đô năm 2002 tăng lên 396 tỷ USD năm 2008 (tăng 18%/năm), sự gia tăng này là do kết quả của việc gia tăng di dân kiếm sống cũng như việc giảm chi phí chuyển tiền.

Các tác giả cũng chú ý đến những khó khăn trong ước lượng giá trị chuyển khoản thực tế, do sự khác nhau trong định nghĩa của các khái niệm làm căn cứ xác định độ lớn các khoản kiều hối chuyển từ nước xuất xứ và lượng kiều hối nhận được tại nước thụ hưởng. Một phần điều đó nảy sinh từ những mục đích chuyển tiền khác nhau của người gửi: như trợ giúp gia đình, mua bất động sản, đầu tư kinh doanh vv... Giá trị kiều hối không bao gồm cả lượng tiền do bản thân những kiều dân mang về hoặc thân nhân các gia đình kiều dân khi đi thăm người nhà mang về. Các tác giả nghiên cứu vận dụng các phương pháp nhằm gia tăng mức độ tin cậy của những đánh giá trong lĩnh vực này.

Chương 12 dành sự chú ý cho yêu cầu tính toán trong thống kê hậu quả của việc sở hữu bất động sản của công dân tại nước ngoài (nhà và căn hộ). Hiện tượng này còn chưa phổ biến cho nên đến nay vẫn chưa được quan tâm. Tuy nhiên hiện nay nó đã bắt đầu có ý nghĩa lớn đối với thống kê du lịch hay cán

cân thanh toán và các tài khoản quốc gia, mặc dù vậy vấn đề này chưa được phân tích sâu sắc.

Việc gia tăng mối quan tâm đến việc sở hữu bất động sản ở nước ngoài do kết quả của nhiều nguyên nhân: sự tăng tổng thu nhập của các hộ gia đình, tăng thời gian nhàn rỗi và kéo dài thời hạn nghỉ phép, tự do hóa các quy định liên quan đến dịch chuyển vốn, sự phát triển và giảm các chi phí vận tải và thuận lợi đi lại qua biên giới.

Nhu cầu sở hữu bất động sản ở các nước khác nhau có thể được giải thích bằng sự gia tăng dịch chuyển do nhu cầu tìm kiếm việc làm ở nước ngoài.

Sự phổ biến của hiện tượng sở hữu một hoặc một vài bất động sản ở nước ngoài sinh ra những yêu cầu mới gắn liền với việc soạn thảo các tài khoản quốc gia. Trong các tình huống tương tự làm nảy sinh khó khăn xác định nước cư trú, cũng như khó khăn đo lường các mặt khác nhau của việc sở hữu các bất động sản này của người không cư trú, các khó khăn này liên quan đến mặt cung của thị trường, cũng như việc sử dụng, ảnh hưởng cả đến dòng vốn và lượng vốn trong cán cân thanh toán, trong vị thế đầu tư quốc tế và trong các tài khoản quốc gia. Điều cần thiết ở đây là phải có sự hợp tác chặt chẽ của các chuyên gia về hệ thống tài khoản quốc gia và thống kê dịch vụ du lịch.

Chương 13, trình bày hậu quả của thương mại điện tử đối với các tài khoản quốc gia. Trao đổi thương mại điện tử đang phát triển rất nhanh. Nó cho phép giảm đáng kể các chi phí giao dịch do giảm chi phí vận tải, thông tin liên lạc, nghiên cứu thị trường, tìm kiếm các nhà cung cấp và tiêu thụ, so sánh giá cả, vv... Đồng thời hình thức thương mại quốc tế mới này làm nảy sinh các vấn đề phương pháp luận mới cần xem xét. Một trong số đó là nhu cầu chính xác hóa chi

tiết hơn nữa định nghĩa thương mại điện tử, bởi vì trong thực tế hiện nay tồn tại một loạt các khái niệm không được định nghĩa một cách thống nhất. Chẳng hạn thuật ngữ thương mại điện tử gồm 2 loại giao dịch: đặt hàng và cung cấp sản phẩm thông qua con đường điện tử, còn việc cung cấp theo phương thức vật chất. Ngay cả thuật ngữ “con đường điện tử” cũng có nghĩa là thông qua Internet cũng như các loại nối mạng khác bằng máy tính, như trao đổi điện tử các dữ liệu (EDI), intranet hoặc extranet. Cần phân biệt giữa thương mại điện tử trong nước, bao gồm các giao dịch thực hiện trong nước và thương mại điện tử quốc tế bao gồm các giao dịch giữa các nước.

Ngoài những khó khăn về mặt thuật ngữ kể trên, từ thực tiễn sử dụng trong thống kê giao dịch thương mại điện tử còn gặp phải một loạt các khó khăn khác, ví dụ như từ việc sử dụng các dữ liệu từ thương mại điện tử trong việc ước lượng các khoản chi tiêu và tiêu dùng của các hộ gia đình, trong việc tính toán chỉ số giá tiêu dùng có tính đến giá cả của rổ hàng hóa và dịch vụ đại diện.

Cũng gặp phải những khó khăn với sự phát triển của thương mại điện tử khi soạn thảo các tài khoản quốc gia. Những đề xuất phương pháp luận mới đây đề cập đến việc chính xác các định nghĩa gắn liền với sự phát triển của hình thức thương mại này nhằm loại bỏ các khó khăn gặp phải.

Chương 14 là tổng kết chung. Đồng thời các tác giả chú ý đến các thách thức mới đang đặt ra cho thống kê, đặc biệt cho các tài khoản quốc gia và cho quá trình toàn cầu hóa đang sâu sắc hơn. Đã nêu ra một loạt các gợi ý trong việc hoàn thiện phương pháp luận, trong đó có vấn đề đo lường các hiện tượng mới có ý nghĩa rất quan trọng trong các điều kiện toàn cầu

hóa. Các gợi ý này dựa trên những tư vấn rộng rãi với các chuyên gia từ nhiều nước và liên quan đến các vấn đề quan trọng hơn:

- Các vấn đề khái niệm và các vấn đề thực tế của việc vận dụng các phương pháp đo lường đòi hỏi giải quyết trong các điều kiện phát triển của sản xuất toàn cầu;
- Các phương pháp ghi chép các giao dịch quốc tế trong lĩnh vực sản phẩm sở hữu trí tuệ;
- Đo lường các giao dịch liên quan đến việc gửi hàng hóa đi gia công ở nước ngoài;
- Đo lường các giao dịch liên quan đến việc chuyển thu nhập của hộ gia đình từ lao động làm việc ở nước ngoài;
- Làm sâu sắc các nghiên cứu phương pháp luận liên quan đến chu chuyển lao động quốc tế và hoạt động của các đơn vị (thực thể) kinh tế đặc biệt được thành lập trong khuôn khổ các công ty đa quốc gia;
- Thống nhất nguyên tắc thể hiện các giao dịch trong thương mại điện tử quốc tế, cả khi các giao dịch liên quan đến cung cấp sản phẩm dưới hình thức vật chất cũng như dưới hình thức chuyển điện tử trong các trường hợp như sách điện tử, các bản nhạc điện tử, vv...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

The impact of globalisation on national accounts (2011), United Nations, New York and Geneva. Website: www.unece.org/.../Guide_on_Impact_of_globalization_on_national_...